

# VIETNAM DAILY

## [Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm dưới sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu dầu khí và chứng khoán với thanh khoản giảm

## [Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở

## [Thông tin doanh nghiệp]

PGB, HAG

## [Cập nhật công ty]

ACB

## [Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị tránh mua đuổi trong các nhịp hồi phục sớm và chỉ trải lệnh mở mua với tỷ trọng nhỏ quanh ngưỡng hỗ trợ gần 1065 (+-10) và xa hơn tại 1000 (+-15).

29/11/2023

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,102.80	+0.67
VN30	1,093.16	+0.43
HĐTL VN30F1M	1,092.10	+0.47
HNXIndex	227.03	+1.18
HNX30	479.11	+1.81
UPCoM	85.04	+0.45
USD/VND	24,241	+0.00
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.39	-2
Lãi suất qua đêm (%)	0.15	+7
Dầu (WTI, \$)	76.59	+0.24
Vàng (LME, \$)	2,043.29	+0.11



# Điểm nhấn thị trường

**VNIndex** 1,102.80 (+0.67%)  
**KLGD (triệu CP)** 562.8 (-8.2%)  
**GTGD (triệu US\$)** 520.7 (-10.2%)

TTCK Việt Nam tăng điểm dưới sự dẫn dắt của nhóm cổ phiếu dầu khí và chứng khoán với thanh khoản giảm. Khối ngoại bán ròng 103.1 tỷ đồng, tập trung tại MWG (+2.11%), FUCESSVFL (+1.36%), STB (-1.24%).

**HNXIndex** 227.03 (+1.18%)  
**KLGD (triệu CP)** 76.6 (-5.7%)  
**GTGD (triệu US\$)** 66.4 (+13.9%)

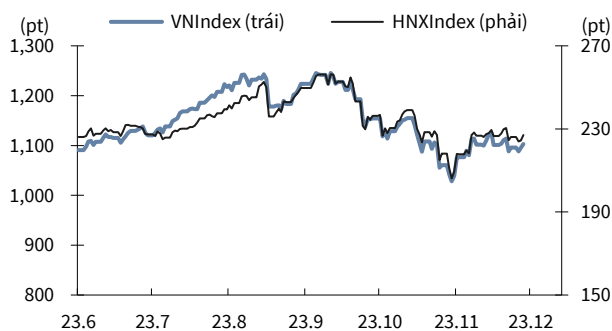
Theo GSO, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 11/2023 ước đạt 552.7 nghìn tỷ đồng, tăng 1.4% so với tháng trước và tăng 10.1% so với cùng kỳ năm trước. Cổ phiếu nhóm Bán lẻ tăng giá ở MWG (+2.11%), DGW (+3.52%).

**UPCoM** 85.04 (+0.45%)  
**KLGD (triệu CP)** 24.7 (-46.5%)  
**GTGD (triệu US\$)** 14.4 (+9.5%)

Theo số liệu từ Hiệp hội Rau quả Việt Nam, xuất khẩu rau quả 11 tháng năm nay ước đạt 5.2 tỷ USD, tăng 70% so với cùng kỳ năm 2022 và là mức cao nhất từ trước đến nay. Cổ phiếu nhóm Lương thực-Thực phẩm tăng giá ở LTG (+2.12%), PAN (+0.82%).

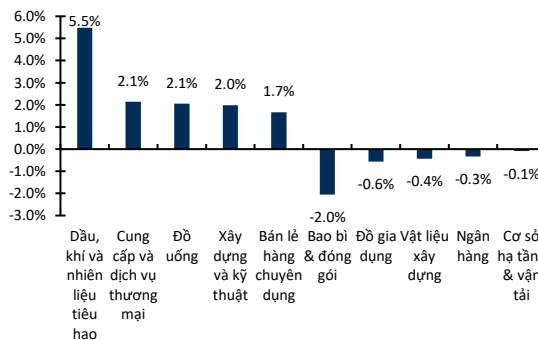
**NĐTNN mua ròng (triệu US\$)** -1.3

## VNIndex & HNXIndex



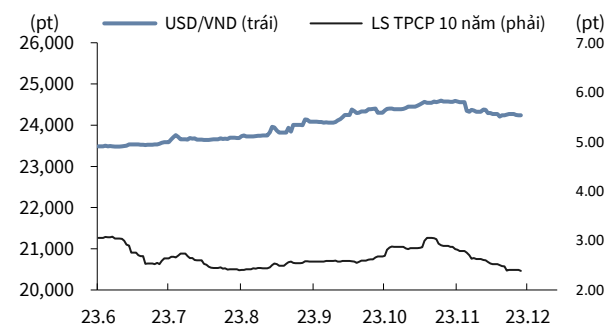
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

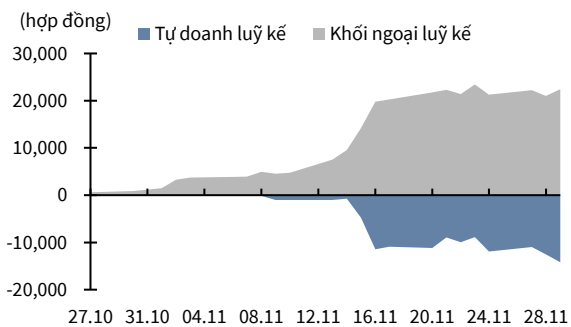
# Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

<b>VN30</b>	<b>1,093.16 (+0.43%)</b>
<b>VN30F1M</b>	<b>1,092.1 (+0.47%)</b>
<b>Mở cửa</b>	<b>1,087.0</b>
<b>Cao nhất</b>	<b>1,099.0</b>
<b>Thấp nhất</b>	<b>1,087.0</b>
<b>KLGD (HĐ)</b>	<b>210,867 (-26.9%)</b>

Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch giữa F2312 và VN30 mở cửa ở mức -0.71 điểm, sau đó biến động quanh mức 0.4 điểm toàn phiên, đóng cửa tại -1.06 điểm. Khối lượng giao dịch giảm.

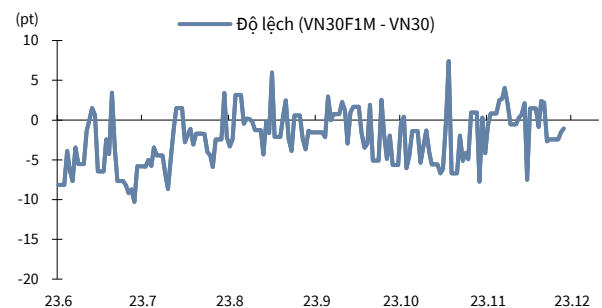
Khối ngoại mua ròng 1,406 HĐTL VN30F2312 và đang duy trì vị thế mua lũy kế 22,425 hợp đồng. Khối tự doanh CTCK bán ròng 1,696 hợp đồng và đang duy trì vị thế bán lũy kế 14,208 hợp đồng.

## Mua/bán lũy kế HĐTL VN30F1M của tự doanh & NĐTNN



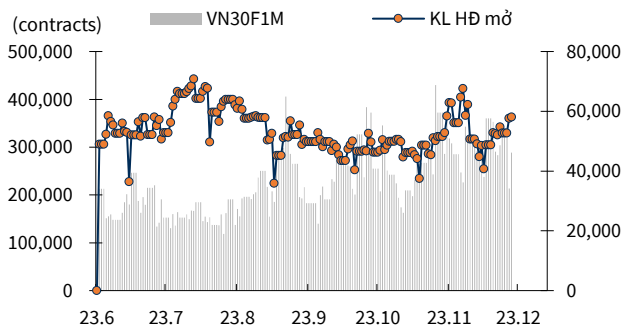
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



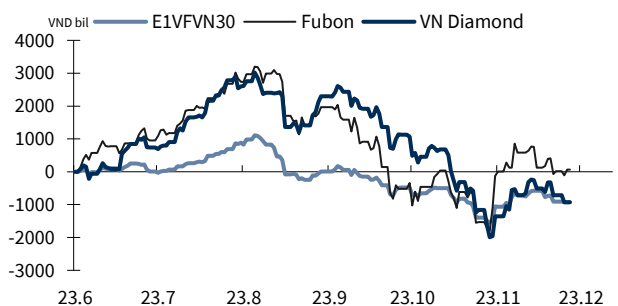
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

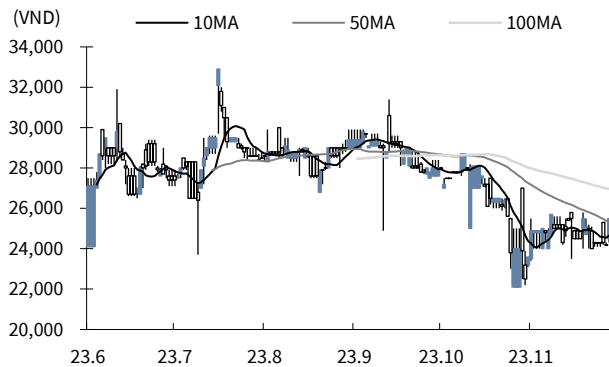
## Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Thông tin doanh nghiệp

## Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex (PGB)

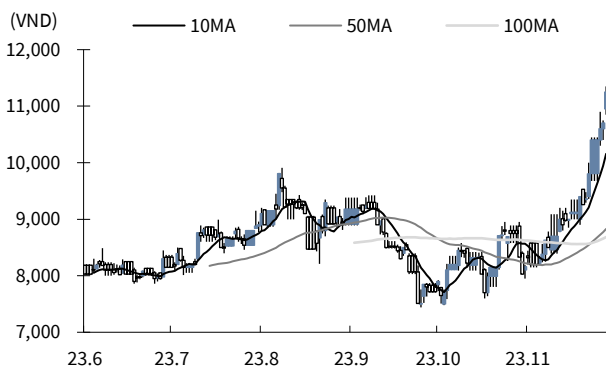


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- PGB tăng 4.94% lên 25,500 VND/cp

- PGBank sẽ phát hành 120 triệu cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu và 80 triệu cổ phiếu bằng hình thức phát hành cho cổ đông hiện hữu. Thời gian hoàn thành các thủ tục liên quan chậm nhất là vào quý 3/2024. Đây sẽ là lần đầu tiên trong hơn một thập kỷ, PGBank tiến hành tăng vốn. Trước đó, vào tháng 8/2012, PGBank tăng vốn điều lệ từ 2,000 tỷ đồng lên 3,000 tỷ đồng. Con số này được giữ nguyên cho tới hiện nay.

## CTCP Hoàng Anh Gia Lai (HAG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HAG tăng 5.14% lên 11,250 VND/cp

- Vào ngày 28/11/2023, Hoàng Anh Gia Lai đã trả 200 tỷ đồng nợ gốc cho mã trái phiếu HAGLBOND16.26. Đây là khoản tiền công ty thu nợ của Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai. Trước đó vào cuối tháng 9/2023, HAGL đã công bố thông tin về việc chậm trả lãi lô trái phiếu này.

28/11/2023

 Chuyên viên phân tích Phạm Phương Linh  
 linhpp@kbsec.com.vn

### Kỳ vọng tín dụng hồi phục tích cực trong mùa cao điểm cuối năm

Chúng tôi kỳ vọng mảng cho vay của ACB sẽ có diễn biến tích cực hơn so với nửa đầu năm nay. Dự phóng tăng trưởng tín dụng cho cả năm 2023 của ngân hàng có thể đạt 12-13% so với hạn mức NHNN cấp là 14.5%. Cho năm 2024, chúng tôi dự phóng tăng trưởng tín dụng của ACB có thể đạt 14-15% trên nền thấp của năm nay và trong bối cảnh bức tranh kinh tế chung sáng hơn.

### Chiến lược tập trung nhóm khách hàng cao cấp sẽ tạo những hiệu ứng cộng hưởng cho tăng trưởng dài hạn

KBSV đánh giá với chiến lược tập trung, số lượng khách hàng Priority của ACB sẽ tiếp tục tăng lên. Đây là nhóm khách hàng tiềm năng, có thể mang lại hiệu ứng cộng hưởng cho ACB: (1) đóng góp đáng kể vào nguồn huy động và CASA cho ngân hàng do quy mô tài sản của nhóm KH này lớn, (2) tăng trưởng tín dụng, (3) kết hợp khai thác chéo các sản phẩm khác.

### Giữ vững vị thế chất lượng tài sản an toàn top đầu ngành

ACB luôn đặt chất lượng tài sản lên hàng đầu hơn là tham gia vào cuộc đua tăng trưởng của các ngân hàng TMCP. Với danh mục đầu tư không có TPDN và cho vay phát triển bất động sản cùng với việc nợ xấu đang được kiểm soát tốt, ACB là một lựa chọn an toàn cho các nhà đầu tư.

### Khuyến nghị MUA, giá mục tiêu 30,000 VNĐ/cp

Sử dụng kết hợp 2 phương pháp định giá P/B và Chiết khấu lợi nhuận thặng dư, chúng tôi giữ nguyên mức giá mục tiêu cho năm 2023 của cổ phiếu ACB là 30,000 VNĐ/cp, cao hơn 37.4% so với giá tại ngày 27/11/2023. Khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu ACB.

## MUA

Duy trì

Giá mục tiêu	VND 30,000
Tăng/giảm	37,4%
Giá hiện tại (27/11/2023)	21,850
Vốn hóa thị trường (tỷ VNĐ/triệu USD)	84,866/3.5

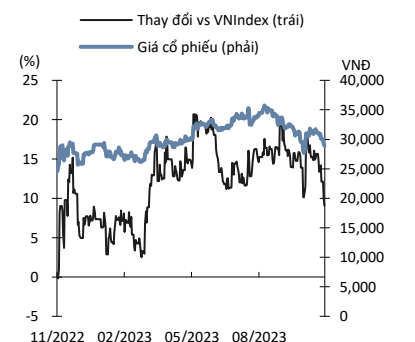
Dữ liệu giao dịch	
Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	85%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VNĐ/triệu USD)	156/6.4
Sở hữu nước ngoài (%)	30%
Cơ cấu cổ đông	
VN Enterprise Investments Limited	6.26%

Biến động giá cổ phiếu				
(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	-2.2	-15.0	-3.3	14.7
Tương đối	-4.2	-5.7	-5.1	9.3

### Dự phóng KQKD & định giá

Cuối năm tài chính (tỷ VNĐ)	2021A	2022A	2023F	2024F
Thu nhập lãi thuần (tỷ VNĐ)	18,945	23,534	24,922	29,504
LN trước CF DPRRTD (tỷ VNĐ)	15,334	17,185	21,063	24,474
LNST ngân hàng mẹ (tỷ VNĐ)	9,603	13,688	15,629	18,455
EPS	3,554	4,053	4,627	5,464
Tăng trưởng EPS (%)	0%	14%	14%	18%
PER (x)	12.4	10.9	9.5	8.1
Giá trị sổ sách/CP (BVPS)	16,618	17,303	20,760	24,654
PBR (x)	2.65	2.54	2.12	1.78
ROE (%)	23.9%	26.5%	24.3%	24.1%

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

# Quan điểm kỹ thuật

## Xu hướng & Hành động

### Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex trải qua một nhịp tăng điểm với biên độ mở rộng dần về cuối phiên.
- Quán tính từ nhịp hồi phục phiên trước đó đã giúp cho chỉ số duy trì được đà tăng điểm trong hôm nay, tuy vậy dòng tiền nhiều khả năng có thể mang tính chất thăm dò, trading T+ do thanh khoản giảm và lực cầu tham gia vào nhóm cổ phiếu midcap, smallcap là chủ yếu. Do đó, với việc xu hướng giảm điểm vẫn đang đóng vai trò chủ đạo và phe bán thể hiện sự quyết liệt hơn tại các vùng cản, nhiều khả năng chỉ số sẽ gặp áp lực điều chỉnh đáng kể trở lại quanh ngưỡng kháng cự gần 1115 (+5).
- NĐT được khuyến nghị tránh mua đuổi trong các nhịp hồi phục sớm và chỉ trải lệnh mở mua với tỷ trọng nhỏ quanh ngưỡng hỗ trợ gần 1065 (+-10) và xa hơn tại 1000 (+-15).

## Chỉ số VN30



## Thị trường phái sinh - Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

### Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1117 - 1121

Kháng cự gần: 1102 - 1106

Hỗ trợ gần: 1070 - 1075

Hỗ trợ xa: 1045 - 1050

- F1 tăng điểm nhẹ với diễn biến rung lắc mạnh về cuối phiên.
- Phe bán cho phản ứng tương đối quyết liệt khi F1 dần tiếp cận ngưỡng cản gần, bỏ ngỏ khả năng điều chỉnh trong các phiên sắp tới. Với việc xu hướng giảm điểm vẫn đang đóng vai trò chủ đạo và các chỉ báo kỹ thuật trên khung ngày vẫn đang cho nhiều tín hiệu kém khả quan hơn, nhiều khả năng F1 sẽ gặp áp lực điều chỉnh đáng kể trở lại quanh ngưỡng kháng cự gần 1115 (+5).
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading hai chiều SHORT tại kháng cự, LONG tại hỗ trợ.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Ưu tiên mở SHORT quanh ngưỡng kháng cự xa.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

# KBSV danh mục đầu tư mẫu

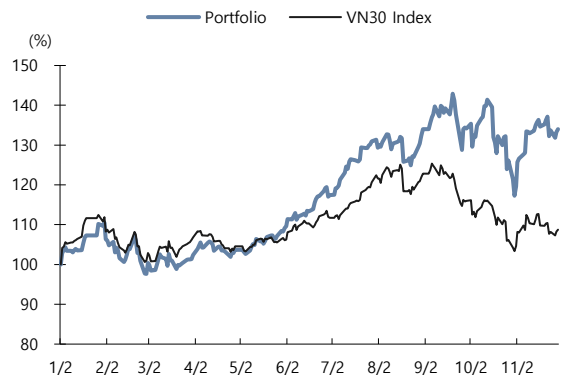
Khởi phân tích KBSV

## Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Danh mục giả định luôn duy trì tỷ trọng 100% cổ phiếu (bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều giữa các mã. NĐT cần kết hợp với xu hướng thị trường và mức độ hấp dẫn của từng mã để điều chỉnh tỷ trọng tương ứng.

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.43%	0.56%
Tăng lũy kế (YTD)	8.75%	34.03%

## So sánh hiệu suất với VN30 Index



## Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 29/11/2023	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
SSI (SSI)	11/01/2023	31,600	0.6%	16.4%	- Hưởng lợi từ xu hướng giảm của mặt bằng lãi suất, giúp thanh khoản thị trường cải thiện - Kỳ vọng triển khai hệ thống giao dịch KRX, giúp thị trường giao dịch sôi động
Phu Nhuận (PNJ)	11/01/2023	79,900	1.0%	11.0%	- PNJ đạt KQKD quý 3 tích cực, bất chấp sức mua suy yếu nhờ việc chiếm lĩnh được thị phần - Kỳ vọng sức mua cải thiện trong quý 4 - mùa tiêu dùng cao điểm của ngành trang sức
Kinh Bắc (KBC)	10/02/2023	31,000	0.0%	-4.0%	- Kỳ vọng ghi nhận doanh số cho hơn 160ha đất KCN trong năm nay - Trảng Duệ 3 dự kiến hoàn thành pháp lý trong năm nay và ghi nhận doanh thu cho thuê bắt đầu từ 2024
Deo Ca Infrastructure (HHV)	11/01/2023	14,400	0.7%	13.9%	- Backlog 4,000 tỷ cuối 3Q2023, tương đương doanh thu xây lắp giai đoạn 2021-2022 - BOT Hữu Nghị - Chi Lăng khi hoàn thành sẽ giúp tăng lưu lượng xe - Kỳ vọng nhận hỗ trợ 2,280 tỷ VND cho dự án hầm đường bộ Đèo Cả
ACB (ACB)	11/01/2023	22,050	0.7%	2.1%	- Sau khi dịch chuyển cơ cấu tín dụng sang nhóm KHDN lớn, ACB kỳ vọng tín dụng sẽ tăng tốc trong thời gian tới - Kỳ vọng tỷ lệ hình thành nợ xấu sẽ giảm trong 2 quý tới, giảm bớt gánh nặng trích lập
Nhon Trach 2 (NT2)	11/01/2023	24,100	-0.4%	5.5%	- Kỳ vọng điện khí khả quan hơn từ 4Q2023 khi A0 tăng cường huy động từ cuối tháng 9 - Giá khí đầu vào của NT2 hiện đã hạ nhiệt đáng kể so với mức trung bình 2022 - NT2 sẽ kết thúc quá trình đại tu sau 3Q2023
Hoa Sen Group (HSG)	11/01/2023	21,750	2.1%	22.9%	- Kênh xuất khẩu hỗ trợ doanh thu - Biên lợi nhuận gộp kỳ vọng cải thiện sớm nhờ đã đẩy hết lượng hàng tồn kho giá cao - Cơ cấu tài chính an toàn
Vietinbank (CTG)	11/01/2023	29,400	0.3%	7.3%	- Tăng trưởng tín dụng kỳ vọng đạt 12% trong năm 2023 - Giá chiết khấu sâu so với định giá
FPT (FPT)	11/01/2023	91,700	0.7%	7.4%	- Triển vọng tích cực được dẫn dắt bởi mảng CNTT - Mảng viễn thông và giáo dục duy trì tăng trưởng tích cực
Vinamilk (VNM)	11/01/2023	68,400	-0.1%	-2.8%	- Biên lợi nhuận gộp tiếp tục cải thiện - Thị phần cải thiện nhờ chiến dịch thay đổi nhận diện thương hiệu

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam



# Thống kê thị trường

## HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VCI	3.0%	22.6%	87.4
PLX	6.2%	17.3%	43.1
SAB	2.0%	61.7%	29.7
HPG	1.1%	25.2%	29.1
VND	1.2%	23.6%	27.5

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
MWG	2.1%	44.5%	-121.7
FUESSVFL	1.4%	96.1%	-100.5
STB	-1.2%	24.2%	-48.3
DIG	2.2%	5.4%	-27.5
VCB	-0.8%	23.5%	-25.4

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
SHS	2.8%	14.0%	56.8
PVS	4.8%	21.5%	20.9
IDC	0.4%	1.6%	2.5
EVS	3.6%	0.4%	0.4
DTD	0.4%	0.2%	0.2

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
CEO	1.4%	4.7%	-0.9
TNG	1.1%	20.0%	-0.7
BAX	1.1%	17.4%	-0.4
PVI	0.9%	59.4%	-0.2
TA9	-5.5%	0.0%	-0.2

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dầu, khí và nhiên liệu tiêu hao	4.5%	PLX, PGC, CNG, GSP
Đồ uống	4.0%	SAB, BHN, SMB, SCD
Phụ tùng oto	2.3%	DRC, CSM, PAC, TNC
Ngành chưa phân loại	2.2%	CKG, PSH, NHH, ABS
Quản lý & phát triển bất động sản	1.0%	VHM, VIC, NVL, BCM

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Máy móc	-5.2%	TCH, HHS, SRF, SHA
Chứng khoán	-3.4%	SSI, VND, HCM, VCI
Sản phẩm xây dựng	-2.5%	VGC, BMP, SHI, DAG
Thiết bị điện	-2.4%	GEX, SAM, CAV, RAL
Bảo hiểm	-2.2%	BVH, MIG, BIC, BMI

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Kim loại & khai thác	16.2%	HPG, HSG, NKG, KSB
Xây dựng và kỹ thuật	14.9%	DIG, HDG, VCG, PC1
Chứng khoán	12.4%	SSI, VND, HCM, VCI
Thương mại & phân phối	8.9%	VPG, TSC, BTT, TNA
Cơ sở hạ tầng & vận tải	8.6%	GMD, LGC, CII, HAH

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Khách sạn, Nhà hàng & Giải trí	-6.4%	AST, VNG, DSN, DAH
Bao bì & đóng gói	-4.0%	TDP, SVI, MCP, TPC
Bán lẻ hàng chuyên dụng	-2.3%	MWG, FRT, CTF, HAX
Vật liệu xây dựng	-1.4%	HT1, PTB, GAB, ACC
Ngành chưa phân loại	-1.2%	CKG, PSH, NHH, ABS

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDm)	GTGD (VNDtỷ, USDm)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	195,728 (8.0)	22.5	36.8	252.5	14.7	3.3	0.0	1.4	1.4	0.4	1.3	2.3	-20.9
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	304,349 (12.5)	26.6	4.7	5.4	35.9	22.6	18.8	1.0	0.9	1.1	5.6	5.1	-14.2
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	117,914 (4.8)	17.8	12.3	12.0	-7.6	12.2	10.6	1.4	1.3	1.8	1.8	1.3	-11.8
	NVL	NOVALAND INVESTM	45,853	86,712 (3,768)	526,389 (21.6)	31.3	-	-	6.7	-3.8	-0.7	1.0	1.0	3.7	4.3	36.1	29.3
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	25,770	19,167 (833)	46,486 (1.9)	11.6	24.6	22.3	13.7	8.9	10.5	1.8	1.8	0.8	-2.3	6.6	31.0
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	395,046 (16.2)	13.9	51.9	42.6	-	2.5	3.1	1.3	1.2	0.8	-6.1	14.4	56.1
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	67,686	378,305 (16,441)	98,217 (4.0)	6.3	15.5	13.2	11.7	21.2	19.8	2.7	2.2	-0.8	-1.8	0.1	25.6
	BID	BANK FOR INVESTM	30,621	174,556 (7,586)	33,479 (1.4)	12.7	11.3	9.0	-5.3	18.7	19.6	1.9	1.6	1.2	1.6	5.4	14.7
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	117,166 (4.8)	0.0	5.7	4.9	14.3	14.9	15.3	0.8	0.7	-0.2	-3.4	1.2	15.7
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	82,129 (3.4)	1.4	7.8	6.8	50.3	16.1	17.1	1.1	1.0	0.3	-0.7	4.3	7.9
	VPB	VIETNAM PROSPERI	15,296	101,381 (4,406)	195,275 (8.0)	0.0	11.8	8.9	18.8	9.6	11.6	1.1	1.0	-0.5	-2.0	-4.7	7.5
	MBB	MILITARY COMMERC	14,063	73,327 (3,187)	148,255 (6.1)	0.0	4.6	4.0	14.6	25.9	25.0	1.0	0.8	0.0	-1.1	2.3	20.0
	HDB	HDBANK	14,191	40,641 (1,766)	156,054 (6.4)	4.2	5.9	4.5	23.3	21.4	23.0	1.2	1.0	0.0	-3.0	4.6	30.1
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	502,632 (20.6)	14.0	7.7	4.7	26.5	17.6	22.5	1.1	0.9	-1.2	-4.5	-3.1	23.6
	TPB	TIEN PHONG COMME	14,821	28,732 (1,249)	87,910 (3.6)	0.0	6.8	5.9	37.4	16.6	17.4	1.1	1.0	0.6	-1.5	4.0	11.4
EIB	VIETNAM EXPORT-I	13,065	22,745 (988)	164,708 (6.8)	0.2	16.3	9.9	27.3	7.7	11.4	1.5	1.3	-0.3	-5.2	1.7	-8.3	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	12,194 (0.5)	21.0	16.3	16.1	15.8	8.6	8.4	1.4	1.3	0.3	-2.8	0.5	-14.8
	BMI	BAOMINH INSURANC	20,227	2,439 (106)	2,557 (0.1)	14.2	-	-	9.1	-	-	-	-	0.2	-0.9	3.1	9.0
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	20,676	19,947 (867)	736,007 (30.2)	55.4	22.5	20.2	-3.2	9.1	8.8	2.1	2.0	0.6	-4.0	7.3	78.5
	VCI	VIETCAP	21,154	9,108 (396)	308,100 (12.7)	71.9	35.5	25.6	-4.0	7.9	10.8	2.8	2.8	3.0	-4.0	17.6	80.0
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	154,907 (6.4)	52.4	-	-	-19.0	-	-	-	-	0.3	-3.3	6.5	46.5
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	510,899 (21.0)	27.2	18.4	18.1	36.3	9.3	9.3	1.7	1.7	1.2	-3.9	13.8	55.9
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	149,509 (6.1)	42.1	18.3	15.6	4.0	28.0	30.2	4.6	4.3	-0.1	-1.4	0.6	-10.1
	SAB	SAIGON BEER ALCO	96,250	123,447 (5,365)	45,908 (1.9)	36.9	18.9	17.8	7.3	18.8	21.5	3.6	3.8	2.0	4.3	4.9	-20.7
	MSN	MASAN GROUP CORP	79,250	111,712 (4,855)	112,023 (4.6)	16.5	57.3	29.4	-51.9	3.9	11.7	3.3	3.0	2.6	-3.1	8.8	-32.4
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	6,641 (0.3)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	0.3	2.9	8.0	-6.3
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	95,632 (3.9)	11.0	132.6	30.5	-88.5	2.4	12.2	3.8	3.2	0.3	-1.3	7.0	-2.5
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	75,508 (3.1)	10.8	10.3	19.4	-57.0	29.8	12.7	2.4	2.2	3.7	-0.6	12.0	54.2
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	166,720 (6.8)	38.4	34.0	21.7	65.7	2.4	3.8	0.8	0.8	1.5	-3.9	13.2	32.6
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	#N/A (#N/A)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	-	-	-	-
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	419,900 (17.3)	37.7	31.0	26.1	-14.4	5.1	8.9	1.5	1.4	1.9	-5.4	10.1	76.6
	CTD	COTECCONS CONSTR	54,900	5,438 (236)	127,238 (5.2)	3.6	19.1	17.2	-52.4	3.9	4.0	0.6	0.6	0.0	-6.2	13.0	150.9
	REE	REE	45,066	18,419 (800)	19,084 (0.8)	0.0	9.7	8.2	-4.5	13.5	13.8	1.2	1.1	0.7	0.2	4.7	-7.4

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%, -1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	75,083	172,447 (7,494)	38,834 (1.6)	46.1	14.9	15.5	-17.5	19.2	18.1	2.7	2.5	1.0	-1.5	0.3	-8.0
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	10,478 (0.4)	31.4	17.6	12.4	-10.5	9.0	14.6	1.6	1.6	-0.4	-3.4	4.8	-16.5
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	741 (0.0)	34.1	12.3	6.5	-5.1	7.4	13.1	-	-	1.1	3.8	10.0	8.3
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	24,986	145,287 (6,314)	641,076 (26.3)	18.0	24.5	12.5	21.9	6.4	11.3	1.5	1.4	1.1	-0.7	15.6	50.0
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	74,219 (3.0)	36.5	13.6	11.6	-0.5	6.7	9.2	1.0	1.0	0.9	-2.8	2.2	-24.1
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	109,651 (4.5)	46.5	15.6	10.6	-4.5	10.5	15.8	1.3	1.3	1.1	-2.8	10.7	19.1
	HSG	HOA SEN GROUP	18,314	11,063 (481)	274,832 (11.3)	38.9	19.3	15.5	67.9	6.6	8.7	1.2	1.2	2.1	-1.1	23.2	94.0
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	23,918 (1.0)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	0.6	-3.3	8.9	33.1
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	28,801 (1.2)	4.6	15.3	13.4	-51.0	12.9	12.8	1.8	1.7	6.2	5.1	8.5	12.9
	PVD	PETROVIETNAM DRI	17,727	9,854 (428)	140,121 (5.8)	39.9	34.2	13.8	-11.9	4.4	7.8	1.0	1.1	4.6	3.1	10.7	59.9
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	126,262 (5.2)	35.9	9.0	7.7	2.2	15.6	15.6	1.3	1.2	1.8	1.6	3.2	18.2
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	46,500	65,024 (2,826)	442,132 (18.1)	0.0	50.1	16.4	14.4	1.3	8.7	2.4	2.2	2.1	-2.5	-7.6	-9.6
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	65,625	19,895 (865)	41,546 (1.7)	0.0	15.3	13.0	2.4	18.9	19.7	2.8	2.4	1.0	-1.6	8.6	-11.1
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	9,059 (0.4)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-2.6	3.6	-8.3	91.4
	FRT	FPT DIGITAL RETA	16,348	2,227 (097)	42,413 (1.7)	30.3	-	27.5	-75.2	-12.4	23.8	6.6	5.5	1.0	-1.9	7.5	66.3
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	12,847 (0.5)	34.6	14.2	19.3	41.2	15.1	12.0	1.9	1.9	1.0	-0.7	4.3	18.8
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	1,259 (0.1)	45.4	11.8	10.9	10.7	25.9	24.4	2.8	2.4	1.8	-0.7	2.4	22.3
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	49,275	61,301 (2,664)	195,322 (8.0)	0.0	18.4	14.9	15.5	28.1	29.6	4.8	4.1	0.7	-1.4	5.4	37.1

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình – Giám đốc phân tích  
binhnx@kbsec.com.vn

### Phân tích doanh nghiệp

#### Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán

Nguyễn Anh Tùng – Trưởng nhóm  
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Phương Linh – Chuyên viên phân tích  
linhpp@kbsec.com.vn

#### Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng

Phạm Hoàng Bảo Nga – Chuyên viên phân tích cao cấp  
ngaphb@kbsec.com.vn

Nguyễn Dương Nguyên – Chuyên viên phân tích  
nguyennd1@kbsec.com.vn

#### Bán lẻ & Hàng tiêu dùng

Nguyễn Trường Giang – Chuyên viên phân tích  
giangnt1@kbsec.com.vn

#### Bất động sản khu công nghiệp & Logistics

Nguyễn Thị Ngọc Anh – Chuyên viên phân tích  
anhntn@kbsec.com.vn

#### Công nghệ thông tin & Tiện ích

Nguyễn Đình Thuận – Chuyên viên phân tích  
thuannnd@kbsec.com.vn

#### Dầu khí & Hóa Chất

Phạm Minh Hiếu – Chuyên viên phân tích  
hieupm@kbsec.com.vn

Khối phân tích  
research@kbsec.com.vn

### Phân tích vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh – Giám đốc vĩ mô & Chiến lược đầu tư  
anhhd@kbsec.com.vn

#### Vĩ mô & Ngân hàng

Hồ Đức Thành – Chuyên viên phân tích  
thanhhd@kbsec.com.vn

Vũ Thu Uyên – Chuyên viên phân tích  
uyenvt@kbsec.com.vn

#### Chiến lược đầu tư

Thái Hữu Công – Chuyên viên phân tích  
congth@kbsec.com.vn

Nghiêm Sỹ Tiến – Chuyên viên phân tích  
tienss@kbsec.com.vn

### Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ – Chuyên viên hỗ trợ  
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương – Chuyên viên hỗ trợ  
huongnt3@kbsec.com.vn

## CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

---

### Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng 16&17, Tháp 2, Tòa nhà Capital Place, số 29 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

### Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

### Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

### Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

## LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: [ccc@kbsec.com.vn](mailto:ccc@kbsec.com.vn)

Website: [www.kbsec.com.vn](http://www.kbsec.com.vn)

## Hệ thống khuyến nghị

---

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.

